**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1 | Đọc hiểu | Đọc hiểu văn bản/đoạn trích có thể loại tương đương với các thể loại đã học. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 60 |
| 2 | Viết | Nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Tổng | 15 | 5 | 25 | 15 | 0 | 30 | 0 | 10 | 100 |
| Tỉ lệ % | 20 | 40 | 30 | 10 |
| Tỉ lệ chung | 60 | 40 |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7; THỜI GIAN LÀM BÀI 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1. | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu vănbản/đoạn trích có thể loại tương đương với các thể loại đã học. | **\*Nhận biết:**- Xác định được phương thức biểu đạt trong văn bản;- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản.**\*Thông hiểu:**- Hiểu được công dụng của trạng ngữ trong câu, chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu trong văn bản;- Xác định được đề tài, chủ đề, nội dung chính của văn bản/đoạn trích.**\*Vận dụng:**- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản/đoạn trích. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| 2 | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống | **\*Nhận biết**: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.**\*Thông hiểu**: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)**\*Vận dụng**: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.**\*Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** |  | 3TN | 5TN | 2TL | 1TL |
| **Tỉ lệ %** |  | 20 | 40 | 30 | 10 |
| **Tỉ lệ chung (%)** |  | 60 | 40 |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút không kể thời gian giao đề*

**I.ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi ở phía dưới:

**Tiếng vọng rừng sâu**

*Có một cậu bé ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách. Một ngày nọ, giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu thét lớn: “Tôi ghét người!”. Từ khu rừng liền có tiếng vọng lại: "Tôi ghét người!”. Cậu hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét cậu.*

*Người mẹ nắm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói: “Bây giờ thì con hãy hét thật to: “Tôi yêu người!”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người!”. Lúc đó, người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”.*

(Theo *Quà tặng cuộc sống*, NXB Trẻ, 2002)

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì ?

A.Nghị luận B. Miêu tả **C. Tự sự** D. Biểu cảm

**Câu 2**: Cậu bé trong văn bản là người như thế nào ?

A. Hay sà vào lòng mẹ để khóc. B. Hay bỏ vào khu rừng rậm chơi.

C. Thích thét lớn mỗi khi giận dữ. **D. Ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách**.

**Câu 3**: Người mẹ trong văn bản trên có hành động gì ?

 **A.Nắm tay con, đưa con trở lại khu rừng**. B. Ôm con vào lòng và an ủi.

 C.Trách mắng vì con giận mẹ mà bỏ vào rừng. D.Tìm con khi con bị lạc trong rừng.

**Câu 4**: Trạng ngữ “*Một ngày nọ*” trong câu: “*Một ngày nọ, giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm.”*biểu thị điều gì *?*

**A. Thời gian diễn ra hành động của nhân vật.**

B. Mục đích của hành động nhân vật.

C. Nơi chốn diễn ra hành động của nhân vật.

D. Nguyên nhân diễn ra hành động của nhân vật.

**Câu 5**: Vì sao cậu bé lại hoảng hốt quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở ?

A. Vì cậu bé bị lạc trong rừng và mãi mới tìm được đường về nhà.

**B. Vì cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét mình**.

C. Vì cậu gặp một con thú dữ trong rừng đuổi theo mình.

D.Vì cậu thấy có lỗi với mẹ và chạy về xin lỗi mẹ.

**Câu 6**: Vì sao hai câu văn “*Cậu hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét cậu.”* được liên kết với nhau ?

A.Vì dùng từ có tác dụng lặp lại.

B. Vì dùng từ cùng trường liên tưởng.

**C. Vì dùng từ có tác dụng thay thế.**

D. Vì dùng từ có tác dụng nối.

**Câu 7**: Người mẹ trong văn bản trên dạy con điều gì ?

**A. Cần có tình yêu thương trong cuộc sống.**

B. Không được bỏ chạy vào rừng khi bị mẹ khiển trách.

C. Không được sà vào lòng mẹ khóc khi có điều sợ hãi.

D. Con hãy hét thật to điều con muốn nói.

**Câu 8:** Vấn đề mà văn bản trên đề cập đến là gì ?

A. Nếu thù ghét người thì người cũng thù ghét lại.

B. Yêu thương người thì người cũng yêu thương lại.

**C. “Cho” và “nhận” trong cuộc sống.**

D. Ai gieo gió thì ắt sẽ gặt bão.

**Câu 9**:Câu nói *“Ai gieo gió thì gặt bão*” gợi cho em nghĩ đến câu tục ngữ nào? Hãy giải thích ý nghĩa câu tục ngữ đó.

# **Câu 10**: Qua câu chuyện, em thấy nhân vật người mẹ đã bộc lộ tính cách, phẩm chất gì?

**Câu 11**: Văn bản trên gửi đến người đọc những thông điệp gì?

**II.VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận chứng minh rằng: “Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta”?

………………………..Hết………………………..

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| 1 | C | 0,25 |
| 2 | D | 0,25 |
| 3 | A | 0,25 |
| 4 | A | 0,25 |
| 5 | B | 0,25 |
| 6 | C | 0,25 |
| 7 | A |  0,25 |
| 8 | C |  0,25 |
| 9 | - Câu nói *“Ai gieo gió thì gặt bão*” gợi đến câu tục ngữ “*"Gieo nhân nào gặt quả nấy"*-Ý nghĩa câu tục ngữ *“Gieo nhân nào gặt quả nấy”*: Cho đi điều gì sẽ nhận lại điều đó (khi bạn ở hiền thì gặp lành, khi bạn đối xử không tốt với người khác thì sau này bạn sẽ bị người ta đối xử không tốt lại). Đây là định luật tất yếu của cuộc sống. Khuyên mọi người hãy sống yêu thương nhau, đối xử nhân hâu với nhau. Hãy sống tốt với mọi người và với chính mình. | 0,50,5 |
| 10 |  Qua câu chuyện, em thấy nhân vật người mẹ tuy có hay trách mắng cậu khi cậu nghịch ngợm nhưng đây là một người mẹ rất dịu dàng, yêu thương con cái, có trách nhiệm của một người mẹ. | 1,0 |
| 11 | *HS có thể rút ra nhiều thông điệp khác nhau, sau đây là gợi ý:*- Người mẹ cần có lòng vị tha, luôn yêu thương con.- Trong cuộc sống, hãy cho đi thật nhiều điều tốt đẹp để nhận lại nhiều giá trị tốt đẹp.  | 2,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a.Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần: MB, TB, KB | 0,25 |
|  | b.Xác định đúng yêu cầu của đề: Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. | 0,25 |
|  | c. Trình bày ý kiến quan điểm của bản thân:HS trình bày ý kiến chứng minh vấn đề “bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta” có nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau:**1. Khởi đầu**Mở đầu, giới thiệu vấn đề: Bảo vệ rừng là đảm bảo sự sống của chúng ta.**2. Nội dung chính****a. Thuyết minh**- 'Rừng' biểu tượng cho quần xã đa dạng, nơi ẩn chứa sự sống của hàng nghìn loài động, thực vật.- 'Bảo vệ' là hành động giữ gìn, ngăn chặn ảnh hưởng tiêu cực của con người, để rừng phát triển tự nhiên.- Cuộc sống con người liên quan mật thiết với sự bảo toàn của rừng, mang đến hòa bình, sức khỏe và nguồn thu nhập kinh tế.=> Đồng thanh vai trò quan trọng của bảo vệ rừng đối với cuộc sống con người.**b. Chứng minh**- Rừng ảnh hưởng đến sức khỏe và sự sống của con người:+ Cây rừng cung cấp ô-xi quan trọng cho sự sống.+ 'Lá phổi xanh' giúp cải thiện chất lượng không khí, tạo môi trường sống tốt cho con người.+ Rừng là nguồn thảo mộc tự nhiên quý giá, hỗ trợ điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.- Rừng bảo vệ cuộc sống an yên của con người:+ Trong thời chiến, rừng là nguồn lực quan trọng, bảo vệ lực lượng quân đội khỏi sự quấy rối của địch.+ Trong thiên tai, rừng là điều kiện cần thiết để giảm thiểu thiệt hại và bảo vệ an toàn cho cộng đồng.+ Rừng đảm bảo nguồn nước, giữ vững cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển kinh tế và xã hội.- Rừng đóng góp vào sự phát triển kinh tế:+ Cung cấp nguyên liệu quan trọng cho ngành công nghiệp giấy và xuất khẩu.+ Cây gỗ quý trong rừng có giá trị lớn, làm ra những sản phẩm thủ công, nghệ thuật.+ Rừng nguyên sinh như Cát Tiên, rừng Cúc Phương,.. là điểm đến du lịch hấp dẫn.**c. Thảo luận, mở rộng**- Ngày nay, rừng đang đối mặt với nguy cơ hủy hoại nặng nề:+ Diện tích rừng đang bị thu hẹp, chất lượng rừng giảm sút do sự can thiệp đáng kể của con người.+ Bất hợp pháp chặt phá rừng diễn ra do lợi ích kinh tế của lâm tặc.+ Hiện tượng đốt rừng để làm đất canh tác vẫn đang diễn ra mạnh mẽ.+ Hành vi khai thác rừng trái phép vẫn diễn ra ồ ạt trên toàn quốc.- Hậu quả: Gây tổn thương trực tiếp tài nguyên rừng, và ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng cuộc sống của chúng ta.**d. Giải pháp bảo vệ tài nguyên rừng:**- Nâng cao nhận thức cá nhân về bảo vệ tài nguyên rừng.- Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền, động viên mọi người tham gia tích cực vào công cuộc bảo vệ rừng.- Chính phủ cần thiết lập và thực thi chính sách quản lý nghiêm túc, xử lý nghiêm những vi phạm làm tổn thương rừng.**3. Tổng kết**Khẳng định lại tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng. - Mỗi chúng ta hãy tích cực góp phần vào phong trào trồng cây gây rừng để đất nước ngày càng tươi đẹp. | 0,5 1,5 0,5 0,5 |
|  | *d.Chính tả, ngữ pháp:*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo*: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |